

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**MỤC LỤC**

	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 26

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

**Công ty**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: VFR

**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Quý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thoại	Phó Chủ tịch
Ông Ngô Xuân Hồng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đăng Nghiêm	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Quý	Tổng Giám đốc (Thôi kiêm nhiệm kể từ ngày 02/11/2009)
Ông Ngô Xuân Hồng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/11/2009)
Ông Nguyễn Quang Thoại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giang Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Ông Ngô Xuân Hồng được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc từ ngày 01/11/2009, tuy nhiên người đại diện theo pháp luật của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vẫn là Ông Trần Văn Quý với chức danh Tổng Giám đốc. Công ty sẽ đăng ký lại người đại diện theo pháp luật là Ông Ngô Xuân Hồng trong quý I của năm 2010 sau kỳ họp Đại hội cổ đông. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được ký bởi Ông Ngô Xuân Hồng theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Trần Văn Quý.

**Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**Kiểm toán viên**

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán quốc tế Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

---

**Ngô Xuân Hồng**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2010*

Số: /2010/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**  
về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

**Kính gửi:** **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (“Công ty”) được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

---

**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
*Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV*  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
**Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited**  
*Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2010*

---

**Trương Văn Nghĩa**  
**Kiểm toán viên**  
*Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

MẪU B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>117.829.347.155</b>	<b>128.041.279.499</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>78.953.314.610</b>	<b>86.365.776.376</b>
1. Tiền	111		41.167.714.610	51.447.864.673
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.785.600.000	34.917.911.703
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	1.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.887.241.236</b>	<b>35.389.084.062</b>
1. Phải thu khách hàng	131		12.625.593.915	15.873.543.746
2. Trả trước cho người bán	132		8.007.435.810	6.629.217.539
3. Các khoản phải thu khác	135	5.2	10.468.661.511	13.100.772.777
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(214.450.000)	(214.450.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.988.791.309</b>	<b>5.286.419.061</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.926.854.609	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	5.3	2.541.751.527	1.326.015.126
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.3	-	82.532.107
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	3.520.185.173	3.877.871.828
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>343.824.125.323</b>	<b>402.360.151.283</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>310.950.559.823</b>	<b>332.803.447.895</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	281.102.102.334	312.058.067.073
<i>Nguyên giá</i>	222		397.863.677.254	403.721.845.811
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(116.761.574.920)	(91.663.778.738)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		20.684.697.914	18.788.688.000
<i>Nguyên giá</i>	228		20.684.697.914	18.788.688.000
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	9.163.759.575	1.956.692.822
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>32.442.960.109</b>	<b>68.584.085.109</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.7	6.257.818.000	6.257.818.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	18.099.772.109	15.680.897.109
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	8.500.000.000	47.060.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(414.630.000)	(414.630.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>430.605.391</b>	<b>972.618.279</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		430.605.391	972.618.279
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>461.653.472.478</b>	<b>530.401.430.782</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

MẪU B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2009	01/01/2009
			VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>264.963.233.625</b>	<b>324.693.566.710</b>
(300 = 310+330)				
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>121.242.009.055</b>	<b>136.345.677.720</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		42.139.820.800	36.586.283.850
2. Phải trả người bán	312		24.780.365.086	33.324.089.428
3. Người mua trả tiền trước	313		2.541.906.237	3.914.522.912
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	7.790.102.603	6.925.775.014
5. Phải trả người lao động	315		13.211.862.331	11.573.863.110
6. Chi phí phải trả	316		154.928.611	2.807.865.257
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.11	30.623.023.387	41.213.278.149
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>143.721.224.570</b>	<b>188.347.888.990</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	15.295.895.350
2. Vay và nợ dài hạn	334	5.12	143.721.224.570	173.051.993.640
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>196.690.238.853</b>	<b>205.707.864.072</b>
(400 = 410+430)				
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>195.734.021.853</b>	<b>197.091.082.362</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.13	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.13	1.561.309.527	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(194.705.795)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.13	19.032.844.651	12.332.995.177
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.13	11.052.186.001	3.531.896.642
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.13	14.282.387.469	31.226.190.543
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>956.217.000</b>	<b>8.616.781.710</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	5.13	956.217.000	8.616.781.710
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>461.653.472.478</b>	<b>530.401.430.782</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	TM	31/12/2009	01/01/2009
		VND	VND
5. Ngoại tệ các loại			
<i>USD</i>		3.345.407,46	1.955.090,71
<i>EURO</i>		154,44	56.151,92

**Ngô Xuân Hồng**  
**Tổng Giám đốc**  
 Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2010

**Nguyễn Thanh Thủy**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2009	Năm 2008
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		225.979.730.759	224.117.100.332
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	225.979.730.759	224.117.100.332
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	219.581.298.168	187.720.147.639
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>6.398.432.591</b>	<b>36.396.952.693</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	30.737.546.415	26.973.827.869
7. Chi phí tài chính	22	5.16	14.865.369.809	21.448.216.829
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.438.812.403	9.489.382.250
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.17	7.436.688.159	9.654.908.787
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>14.833.921.038</b>	<b>32.267.654.946</b>
11. Thu nhập khác	31		5.395.598.677	487.157.988
12. Chi phí khác	32		3.516.991.224	774.391
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>1.878.607.453</b>	<b>486.383.597</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>16.712.528.491</b>	<b>32.754.038.543</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.18	2.430.141.022	1.527.848.000
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>14.282.387.469</b>	<b>31.226.190.543</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.19	952	2.082

**Ngô Xuân Hồng**  
**Tổng Giám đốc**  
 Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2010

**Nguyễn Thanh Thủy**  
**Kế toán trưởng**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>16.712.528.491</b>	<b>32.754.038.543</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	25.097.796.182	27.032.397.478
- Các khoản dự phòng	03	-	199.763.372
- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	7.722.382.280	10.077.568.787
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(30.436.151.927)	(24.884.150.451)
- Chi phí lãi vay	06	5.438.812.403	9.489.382.250
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD</b>	<b>08</b>	<b>24.535.367.429</b>	<b>54.668.999.979</b>
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	3.631.979.753	4.385.099.640
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(33.215.072.467)	(17.901.570.812)
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(1.384.841.721)	(131.546.710)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.438.812.403)	(8.707.590.788)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(685.674.077)	(1.674.272.616)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.891.124.603)	(2.489.353.044)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(16.448.178.089)</b>	<b>28.149.765.649</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.244.908.110)	(241.058.155.250)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn	24	1.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.418.875.000)	(43.052.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	54.021.000.000	3.052.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.975.151.927	20.975.046.304
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>64.332.368.817</b>	<b>(260.082.608.946)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	205.602.139.490
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(33.763.857.600)	(18.684.602.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.479.800.000)	(11.020.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(57.243.657.600)</b>	<b>175.897.337.490</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(9.359.466.872)</b>	<b>(56.035.505.807)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>86.365.776.376</b>	<b>140.340.307.454</b>
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.947.005.106	2.060.974.729
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>78.953.314.610</b>	<b>86.365.776.376</b>

Ngô Xuân Hồng  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2010

Nguyễn Thanh Thủy  
 Kế toán trưởng

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Tên giao dịch: TRANSPORT AND CHARTERING CORPORATION

Tên viết tắt: VIETFRACHT

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0003013932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/10/2006 là 150.000.000.000 đồng, được chia thành 15.000.000 cổ phần, mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông sáng lập bao gồm:

<b>Stt</b>	<b>Tên cổ đông</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>	<b>Số cổ phần</b>
1.	Vốn Nhà nước	51%	7.653.200
2.	Cổ đông khác	49%	7.346.800

### **Các Chi nhánh**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hải Phòng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Quảng Ninh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Vinh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Cần Thơ

### **Các Công ty con**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng (Vietfracht Danang)

Công ty Liên doanh Dimerco - Vietfracht

Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hashin Việt Nam

### **Các Công ty liên kết, liên doanh**

Công ty Cổ phần Logistics Tương lai Việt Nam

Công ty Cổ phần Tân Cảng - VF

Công ty Liên doanh Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS - Singapore

Công ty TNHH Heung-A Shipping VN

Công ty Cổ phần Unithai Logistics VN

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính**

- Vận tải hàng hoá bằng đường biển;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, Container, kê cả giao nhận vận tải đa phương thức theo uỷ thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp hàng hoá phục vụ ngành giao thông vận tải;
- Kinh doanh kho, bãi container và thu gom hàng hoá;
- Đại lý vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng hàng không trong và ngoài nước;
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính**

- Cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Tổ chức đưa đón, xuất nhập cảnh, chuyển đổi thuyền viên;
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc và nhà ở;
- Bốc xúc, vận chuyên, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Dịch vụ tạm nhập tái xuất, chuyển khâu hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**Đầu tư vào Công ty con**

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Đầu tư vào các công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

##### **Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

##### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn được hạch toán vào kết quả kinh doanh. Trong trường hợp, hạch toán lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản nợ dài hạn vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh bị lỗ thì có thể phân bổ một

phần lỗ chênh lệch tỷ giá cho năm sau để không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất cũng bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm tiếp theo.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 3 tháng đến 3 năm so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

##### **Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

<b><u>Nhóm tài sản</u></b>	<b><u>Thời gian khấu hao (Năm)</u></b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

##### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, không tính khấu hao.

##### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### **Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước và giá trị công cụ, dụng cụ chưa phân bổ.

##### **Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

##### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại điểm 4 phần H Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007. Năm tài chính 2009 là năm thứ ba Công ty được hưởng mức ưu đãi về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp do chuyển từ Công ty 100% vốn Nhà nước sang Công ty cổ phần: Miễn thuế 02 năm và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	856.286.201	1.649.727.104
Tiền gửi Ngân hàng	40.311.428.409	49.798.137.569
Các khoản tương đương tiền	37.785.600.000	34.917.911.703
<b>Tổng</b>	<b>78.953.314.610</b>	<b>86.365.776.376</b>

Các khoản tương đương tiền là số dư các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, có thời gian đáo hạn trước ngày 31/3/2010.

**5.2 PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ phần hóa	373.728.300	373.728.300
Phải thu người lao động	-	168.336.475
Phải thu khác	10.094.933.211	12.558.708.002
<i>Nợ vay Bộ Giao thông Vận tải</i>	<i>400.000.000</i>	<i>400.000.000</i>
<i>Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm</i>	<i>5.229.333.970</i>	<i>6.580.115.811</i>
<i>Tiền bán cổ phần tại công ty con</i>	<i>1.267.500.000</i>	<i>1.267.500.000</i>
<i>Tiền ứng cho các thuyền viên</i>	<i>416.266.336</i>	<i>2.061.340.153</i>
<i>Phải thu về liên kết 3 bên thành lập công ty TNHH</i>	<i>1.412.392.589</i>	<i>1.380.244.628</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.369.440.316</i>	<i>869.507.410</i>
<b>Tổng</b>	<b>10.468.661.511</b>	<b>13.100.772.777</b>

**5.3 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	2.541.751.527	1.326.015.126
Thuế GTGT nộp thừa	-	61.334.754
Các khoản khác phải thu nhà nước	-	21.197.353
<b>Tổng</b>	<b>2.541.751.527</b>	<b>1.408.547.233</b>

**5.4 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	3.317.649.049	3.677.335.704
Cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	202.536.124	200.536.124
<b>Tổng</b>	<b>3.520.185.173</b>	<b>3.877.871.828</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

**5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

<b>Năm 2009</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị quản lý</b>	<b>TSCĐ khác</b>	<b>Tổng</b>
<b><u>Nguyên giá</u></b>						
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>42.540.834.001</b>	<b>1.315.760.655</b>	<b>357.569.101.400</b>	<b>2.193.292.612</b>	<b>102.857.143</b>	<b>403.721.845.811</b>
Tăng trong năm	-	(66.156.043)	274.428.571	289.837.527	-	498.110.055
Mua trong năm	-	-	274.428.571	223.681.484	-	498.110.055
Phân loại lại	-	(66.156.043)	-	66.156.043	-	-
Giảm trong năm	205.751.000	-	5.985.635.619	164.891.993	-	<b>6.356.278.612</b>
Thanh lý, nhượng bán	205.751.000	-	5.985.635.619	164.891.993	-	6.356.278.612
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>42.335.083.001</b>	<b>1.249.604.612</b>	<b>351.857.894.352</b>	<b>2.318.238.146</b>	<b>102.857.143</b>	<b>397.863.677.254</b>
<b><u>Hao mòn lũy kế</u></b>						
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>7.213.295.097</b>	<b>1.160.019.996</b>	<b>81.887.699.118</b>	<b>1.299.907.384</b>	<b>102.857.143</b>	<b>91.663.778.738</b>
Tăng trong năm	2.139.925.664	(55.849.444)	25.357.981.406	495.025.944	-	<b>27.937.083.570</b>
Trích khấu hao	2.078.050.658	66.551.060	25.420.697.337	371.784.515	-	27.937.083.570
Phân loại lại	61.875.006	(122.400.504)	(62.715.931)	123.241.429	-	-
Giảm trong năm	139.725.745	-	2.534.669.650	164.891.993	-	<b>2.839.287.388</b>
Thanh lý, nhượng bán	139.725.745	-	2.534.669.650	164.891.993	-	2.839.287.388
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>9.213.495.016</b>	<b>1.104.170.552</b>	<b>104.711.010.874</b>	<b>1.630.041.335</b>	<b>102.857.143</b>	<b>116.761.574.920</b>
<b><u>Giá trị còn lại</u></b>						
<b>Tại ngày 01/01</b>	<b>35.327.538.904</b>	<b>155.740.659</b>	<b>275.681.402.282</b>	<b>893.385.228</b>	<b>-</b>	<b>312.058.067.073</b>
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>33.121.587.985</b>	<b>145.434.060</b>	<b>247.146.883.478</b>	<b>688.196.811</b>	<b>-</b>	<b>281.102.102.334</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ UB 09 - DN**

**5.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kho bãi Hải Phòng	6.874.968.639	1.450.514.186
Kho bãi Quảng Ninh	275.981.909	275.981.909
Nhà 52 Hòa Mã	1.876.445.391	-
Các công trình khác	136.363.636	230.196.727
<b>Tổng</b>	<b>9.163.759.575</b>	<b>1.956.692.822</b>

**5.7 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	3.814.000.000	3.814.000.000
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	811.818.000	811.818.000
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu - Hashin Việt Nam	1.632.000.000	1.632.000.000
<b>Tổng</b>	<b>6.257.818.000</b>	<b>6.257.818.000</b>

*Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:*

	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ quyền</b>	<b>Ngành nghề kinh doanh</b>
	<b>VND</b>	<b>sở hữu</b>	<b>biểu quyết</b>	
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	5.000.000.000	76,28%	76,28%	Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách, đại lý tàu biển, vận tải đa phương thức, kinh doanh kho bãi và xếp dỡ hàng hóa
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	1.591.800.000	51,00%	51,00%	Vận tải đa phương thức, đại lý vận tải biển, môi giới hàng hải
Công ty TNHH Vận tải QT Hankyu-Hashin Việt Nam	3.200.000.000	51,00%	51,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận và thủ tục hải quan, dịch vụ kho bãi

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ UB 09 - DN**

**5.8 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư vào công ty liên kết		
<i>Công ty CP Logistics Tương lai Việt Nam</i>	9.870.000.000	7.451.125.000
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF</i>	2.626.500.000	2.626.500.000
<i>Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS - Singapore</i>	3.268.642.109	3.268.642.109
<i>Công ty CP Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres (*)</i>	414.630.000	414.630.000
<i>Công ty TNHH Heung-A Shipping VN (**)</i>	1.440.000.000	1.440.000.000
<i>Công ty CP Unithai Logistics VN (***)</i>	480.000.000	480.000.000
<b>Tổng</b>	<b>18.099.772.109</b>	<b>15.680.897.109</b>

*Thông tin chi tiết về công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:*

	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Tỷ lệ quyền</b>	<b>Ngành nghề kinh doanh</b>
	<b>VND</b>	<b>sở hữu</b>	<b>biểu quyết</b>	
Công ty CP Logistics Tương lai Việt Nam	30.000.000.000	47,00%	47,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận, kinh doanh cảng cạn, kho bãi, môi giới hàng hải
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	7.500.000.000	34,00%	34,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS - Singapore	8.171.605.273	40,00%	40,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres (*)	1.500.000.000	30,00%	30,00%	Dịch vụ cơ khí sửa chữa phương tiện vận tải biển
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN (**)	4.800.000.000	30,00%	30,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty CP Unithai Logistics VN (***)	2.400.000.000	20,00%	20,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃUB 09 - DN**

- (\*) Đến ngày 07/05/2005, Công ty Meres đã có quyết định giải thể, theo Báo cáo của Ban thanh lý, số lỗ lũy kế của Công ty này tại ngày 31/03/2006 là 676.537.582 đồng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư liên kết này với số tiền 414.630.000 đồng.
- (\*\*) Hợp đồng liên doanh 3 bên gồm: Heung-A Shipping Co., Ltd (Hàn Quốc) - tỷ lệ 51%, Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu - tỷ lệ 30%, Công ty TNHH MTV Tiếp vận Hùng Á - tỷ lệ 19%.
- (\*\*\*) Hợp đồng liên doanh 4 bên gồm: Unithai Energy Co., Ltd (Thái Lan) - tỷ lệ 51%, Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần - tỷ lệ 20%, Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu - tỷ lệ 20%, Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết Doanh nghiệp Việt - tỷ lệ 9%.

**5.9 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư dài hạn khác		
<i>Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài</i>	4.000.000.000	7.560.000.000
<i>Công ty CP Tân Cảng - Cái Mép</i>	-	35.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình</i>	4.500.000.000	4.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>8.500.000.000</b>	<b>47.060.000.000</b>

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình thành lập ngày 23/07/2008, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 3% trong tổng số 150 tỷ vốn điều lệ của Công ty này.

**5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	46.480.167	141.955.310
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.744.466.945	-
Thuế thu nhập cá nhân	708.302.716	683.584.814
Các loại thuế khác	5.290.852.775	6.100.234.890
<b>Tổng</b>	<b>7.790.102.603</b>	<b>6.925.775.014</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ UB 09 - DN**

**5.11 PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	783.605.136	97.535.923
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	19.814.062	27.707.134
Phải trả về cổ phần hóa	9.389.618.718	23.290.375.858
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	562.970.250	475.970.250
Doanh thu chưa thực hiện	2.592.408.437	177.578.182
Cổ tức phải trả	-	11.479.800.000
Tạm xác định tăng nguyên giá tài sản	2.647.549.098	-
Chuyển số dư của Mol về Công ty	1.371.639.899	-
Phải trả các hãng tàu	2.509.735.893	3.542.483.670
Phải trả cán bộ công nhân viên công ty nhà nước	7.214.182.290	-
Phải trả khác	3.531.499.604	2.121.827.132
<b>Tổng</b>	<b>30.623.023.387</b>	<b>41.213.278.149</b>

Một số khoản phải trả ngắn hạn tại ngày 01/01/2009 đã được phân loại lại thành phải trả dài hạn khác để phù hợp với tính chất và thời hạn trả.

**5.12 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
Ocean Eleven Shipping Corporation	16.897.955.200	23.937.570.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	168.963.090.170	185.700.707.490
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng vay và nợ dài hạn</b>	<b>185.861.045.370</b>	<b>209.638.277.490</b>
Trừ:		
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		
Vay dài hạn đến hạn trả	42.139.820.800	36.586.283.850
<b>Số dư vay và nợ dài hạn</b>	<b>143.721.224.570</b>	<b>173.051.993.640</b>

Vay dài hạn của Ocean Eleven Shipping Corporation theo Thỏa thuận ghi nhớ ngày 26/11/2007, số tiền nhận vay là 1.410.000 USD. Khoản vay này không tính lãi và không có điều kiện ràng buộc nào. Gốc vay sẽ được thanh toán hàng tháng từ tháng 2 năm 2009, trả thành 24 kỳ.

Khoản vay theo hợp đồng số 103/MSBHCM-VFR ngày 31/12/2007 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.000 DWT. Tổng số tiền vay là 12.070.000 USD, thời hạn vay là 8 năm, áp dụng lãi suất Sibor USD 6 tháng + 1,77%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Gốc vay trả trong 32 kỳ, 3 tháng 1 lần, trả lần đầu trong tháng 4 năm 2008.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃUB 09 - DN**

**5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/CP)**

	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thu tiền đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

**5.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Biến động nguồn vốn và các quỹ**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>
<b>Tại ngày 01/01/08</b>	<b>150.000.000.000</b>	-	<b>992.799.242</b>	<b>686.770.177</b>	<b>40.494.222.183</b>	<b>7.563.384.010</b>
Tăng trong năm	-	-	11.340.195.935	2.845.126.465	31.226.190.543	3.542.750.744
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	-	-	31.226.190.543	-
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	11.340.195.935	2.845.126.465	-	3.542.750.744
Giảm trong năm	-	-	-	-	40.494.222.183	2.489.353.044
<i>Phân phối lợi nhuận</i>	-	-	-	-	40.494.222.183	-
<i>Chi quỹ</i>	-	-	-	-	-	2.489.353.044
<b>Tại ngày 31/12/08</b>	<b>150.000.000.000</b>	-	<b>12.332.995.177</b>	<b>3.531.896.642</b>	<b>31.226.190.543</b>	<b>8.616.781.710</b>
<b>Tại ngày 01/01/09</b>	<b>150.000.000.000</b>	-	<b>12.332.995.177</b>	<b>3.531.896.642</b>	<b>31.226.190.543</b>	<b>8.616.781.710</b>
Tăng trong năm	-	1.561.309.527	6.699.849.474	7.520.289.359	14.282.387.469	3.204.000.000
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	-	-	14.282.387.469	-
<i>Phân phối lợi nhuận</i>	-	1.561.309.527	6.699.849.474	7.520.289.359	-	3.204.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	31.226.190.543	10.864.564.710
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	-	-	18.985.448.360	-
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	12.000.000.000	-
<i>Chi quỹ</i>	-	-	-	-	-	3.650.382.420
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	240.742.183	7.214.182.290
<b>Tại ngày 31/12/09</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>1.561.309.527</b>	<b>19.032.844.651</b>	<b>11.052.186.001</b>	<b>14.282.387.469</b>	<b>956.217.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ UB 09 - DN**

**5.14 DOANH THU**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	225.979.730.759	224.117.100.332
<b>Tổng</b>	<b>225.979.730.759</b>	<b>224.117.100.332</b>
Các khoản giảm trừ	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>225.979.730.759</b>	<b>224.117.100.332</b>

**5.15 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	219.581.298.168	187.720.147.639
<b>Tổng</b>	<b>219.581.298.168</b>	<b>187.720.147.639</b>

**5.16 DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi	2.267.687.524	5.912.576.955
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	68.000.000
Lãi chuyển nhượng vốn	15.461.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.707.464.403	18.903.573.496
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	301.394.488	388.010.617
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.701.666.801
<b>Tổng</b>	<b>30.737.546.415</b>	<b>26.973.827.869</b>
<b>Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	5.438.812.403	9.489.382.250
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.703.575.126	179.598.991
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.722.382.280	11.779.235.588
Chi phí tài chính khác	600.000	-
<b>Tổng</b>	<b>14.865.369.809</b>	<b>21.448.216.829</b>
<b>Thu nhập tài chính - thuần</b>	<b>15.872.176.606</b>	<b>5.525.611.040</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃUB 09 - DN**

**5.17 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.805.800.997	5.164.601.873
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	23.706.887	72.079.064
Chi phí khấu hao TSCĐ	847.363.835	1.005.397.335
Thuế, phí, lệ phí	3.645.500	96.788.600
Chi phí dự phòng	219.868.000	121.949.259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.082.681.151	1.825.180.582
Chi phí bằng tiền khác	1.453.621.789	1.368.912.074
<b>Tổng</b>	<b>7.436.688.159</b>	<b>9.654.908.787</b>

**5.18 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2009 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>16.712.528.491</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (*)</i>	(6.991.964.403)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>9.720.564.088</b>
<i>Thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi</i>	(12.198.866.726)
<i>Thu nhập chịu thuế không được hưởng ưu đãi</i>	21.919.430.814
Thuế suất áp dụng	25%
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>	<b>2.430.141.022</b>

**5.19 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.282.387.469	31.226.190.543
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.282.387.469	31.226.190.543
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>952</b>	<b>2.082</b>

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000đ/cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃUB 09 - DN**

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các giao dịch bán</b>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu Đà Nẵng	107.066.708	94.909.088
Công ty TNHH Vận tải QT Hankyu-Hashin VN	3.243.724.136	125.258.582
Công ty CP Logistics Tương lai Việt Nam	6.354.143	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	310.905.946	287.645.285
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	226.007.273	14.195.455
<b>Các giao dịch mua</b>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu Đà Nẵng	-	400.260
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	1.173.897.773	1.292.830.965
<b><u>Số dư với các bên liên quan</u></b>		
	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu Đà Nẵng	-	13.873.510
Công ty CP Logistics Tương lai Việt Nam	-	4.600.588
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	-	124.800.000
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu Đà Nẵng	-	69.200.000
Công ty TNHH Vận tải QT Hankyu-Hashin VN	1.233.868.934	590.728.308
Công ty CP Logistics Tương lai Việt Nam	2.269.950	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	-	4.341.034
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	-	19.550.842
<b><u>Thu nhập của các thành viên chủ chốt</u></b>		
		<b>Năm 2009</b>
		<b>VND</b>
Tiền lương		770.116.444
Các khoản phúc lợi khác		-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**  
**Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃUB 09 - DN**

**SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định trên những khía cạnh trọng yếu không có sự kiện nào quan trọng xảy ra sau ngày khóa sổ cần phải công bố trong báo cáo này.

**SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán.

---

**Ngô Xuân Hồng**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2010*

---

**Nguyễn Thanh Thủy**

**Kế toán trưởng**